

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 184/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 13 – 8 – 2019.

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Như Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Thái.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST – HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2019/QĐST – DS ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc L.

Địa chỉ: Số 06 đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu vực 3, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T.

Địa chỉ: Số 06 đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu vực 3, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1993, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vị Thanh, huyện Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ (nay là phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2007 phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không phù hợp quan điểm trong cuộc sống, anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, sau đó vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị quyết định xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hùng K, sinh ngày 16/10/1995 và Nguyễn Hùng M, sinh ngày 16/01/2006. Con hiện đang sống chung với chị L từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Ngọc L yêu cầu tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc L khai không có.

Chị Trần Thị Ngọc L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Con chung tên Nguyễn Hùng K, sinh ngày 16/10/1995 hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con chung tên Nguyễn Hùng M, sinh ngày 16/01/2006 thì tùy theo nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Ngọc L giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không có lý do.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Trần Thị Ngọc L có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn T (bản chính) và giấy khai sinh của 02 con chung (bản sao); anh Nguyễn Văn T không có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định và phát biểu nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là hợp

pháp. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, trong cuộc sống không phù hợp tính tình, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, khi có mâu thuẫn anh chị đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân với nhau một thời gian dài (từ năm 2008 đến nay) không hàn gắn được. Tòa án cũng đã tạo điều kiện hòa giải nhằm động viên cho anh chị đoàn tụ nhưng anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án nên không hòa giải được, tại phiên tòa chị Trần Thị Ngọc L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Trần Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Hùng K, sinh ngày 16/10/1995 hiện đã thành niên nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con chung tên Nguyễn Hùng M, sinh ngày 16/01/2006 thì chị L yêu cầu tùy theo nguyện vọng của con theo ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng; anh Nguyễn Văn T không có ý kiến. Xét con chung tên Nguyễn Hùng K, sinh ngày 16/10/1995 đã thành niên và có khả năng lao động, chị Trần Thị Ngọc L cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xử không xem xét. Đối với con chung tên Nguyễn Hùng M, sinh ngày 16/01/2006 hiện nay chưa thành niên nhưng đã trên 07 tuổi, đã sống chung với mẹ từ khi cha mẹ ly thân đến nay, hiện nay nguyện vọng của cháu Nguyễn Hùng M cũng muốn sống chung với mẹ là chị L khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao con chung tên Nguyễn Hùng M cho chị Trần Thị Ngọc L được quyền nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa có yêu cầu.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Trần Thị Ngọc L khai không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có, anh Nguyễn Văn T chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Trần Thị Ngọc L phải chịu.

[5] Đối với anh Nguyễn Văn T dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Hùng M, sinh ngày 16/01/2006. Anh Nguyễn Văn T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Ngọc L chưa có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc chị Trần Thị Ngọc L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0020332 ngày 16/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Chị Trần Thị Ngọc L được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- UBND xã phường IV, TP. Vị Thanh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Như Nguyễn

